

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

Số: 2143 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 28 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Nghệ An

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tại Tờ trình số 1962/TTr-SNN-VP ngày 07/6/2021 và Tờ trình số 2094/TTr-SNN-VP ngày 14/6/2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Nghệ An, cụ thể như sau:

1. 112 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
2. 18 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện.
3. 08 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 4363/QĐ-UBND ngày 06/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Nghệ An, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- PCVP UBND tỉnh (đ/c Thiên);
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT(TP, Hg).

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Nghĩa Hiếu

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VỀ LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN, ỦY BAN NHÂN
DÂN CẤP HUYỆN, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2143/QĐ-UBND ngày 28/6/2021
của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An)*

A. TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I. LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT						
1	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn thuốc bảo vệ thực vật	- 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định - 73 ngày làm việc khi nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở có điều kiện không đạt hoặc kết quả kiểm tra lại không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	800.000 đồng/lần (quy định tại Mục I, Biểu phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật, kèm theo Thông tư số 231/2016/TT-BTC)	- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật ngày 25/11/2013; - Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật, giống cây trồng, nuôi động vật rừng thông thường, chăn nuôi, thủy sản, thực phẩm; - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp; - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về	<i>Thủ tục được điều chỉnh:</i> Giảm thời gian giải quyết từ 84 ngày xuống còn 73 ngày làm việc đối với trường hợp khi nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở có điều kiện không đạt hoặc kết quả kiểm tra lại không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>quản lý thuốc bảo vệ thực vật;</p> <p>- Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.</p>	
2	Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	<p>- 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với trường hợp phải thành lập đoàn đánh giá;</p> <p>- 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với trường hợp cơ sở xếp loại A.</p> <p>- 73 ngày làm việc khi nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở có điều kiện không đạt hoặc kết quả kiểm tra</p>	<p>Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau:</p> <p>- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An;</p> <p>- Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn</p>	800.000 đồng/lần (Quy định tại Mục I, Biểu phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật kèm theo Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016)	<p>- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật ngày 25/11/2013;</p> <p>- Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp;</p> <p>- Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm;</p> <p>- Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc bảo vệ thực vật;</p>	<p><i>Thủ tục được điều chỉnh:</i></p> <p>Giảm thời gian giải quyết từ 84 ngày xuống còn 73 ngày làm việc đối với trường hợp khi nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở có điều kiện không đạt hoặc kết quả kiểm tra lại không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ</p>

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		lại không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.			- Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.	
3	Thủ tục Cấp giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	Không	- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật ngày 25/11/2013; - Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm; - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc bảo vệ thực vật.	
4	Thủ tục Cấp giấy xác nhận nội dung quảng	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện	600.000 đồng/lần (Quy định tại Mục I, Biểu phí trong lĩnh vực bảo vệ thực	- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật ngày 25/11/2013; - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	cáo thuốc bảo vệ thực vật		<p>đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An;</p> <p>- Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn</p>	<p>vật kèm theo Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016)</p>	<p>Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo;</p> <p>- Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc bảo vệ thực vật;</p> <p>- Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.</p>	
5	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật	Trong vòng 24 giờ làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch	<p>Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau:</p> <p>- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An;</p> <p>- Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn</p>	<p>Quy định chi tiết tại Mục III Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật, Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016</p>	<p>- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật ngày 25/11/2013;</p> <p>- Thông tư số 35/2015/TT-BNNPTNT ngày 14/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch thực vật nội địa;</p> <p>- Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p>	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>quy định trình tự thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật;</p> <p>- Thông tư số 231/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.</p>	
6	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, không tính thời gian khắc phục (nếu có) của tổ chức, cá nhân.	<p>Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau:</p> <p>- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An;</p> <p>- Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn</p>	500.000 đồng/lần (Quy định tại Điều 2 kèm theo Thông tư số 14/2018-TT-BTC ngày 07/02/2018)	<p>- Luật Trồng trọt năm 2018.</p> <p>- Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón.</p> <p>- Điều 2 Thông tư số 14/2018-TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.</p>	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
7	Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	<p>- 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, không tính thời gian khắc phục (nếu có) của tổ chức, cá nhân đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón thay đổi về địa điểm buôn bán phân bón</p> <p>- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng; thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận.</p>	<p>Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau:</p> <p>- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An;</p> <p>- Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn</p>	200.000 đồng/ lần (Quy định tại Điều 2 kèm theo Thông tư số 14/2018-TT-BTC ngày 07/02/2018)	<p>- Luật Trồng trọt năm 2018;</p> <p>- Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón;</p> <p>- Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.</p>	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
8	Thủ tục Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân.	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	Không	- Luật Trồng trọt năm 2018; - Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón.	
II. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT						
1	Thủ tục Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả	- 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng. - 05 ngày làm việc kể từ ngày	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức	Không	- Khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 24, Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018. - Khoản 1, khoản 2, khoản 4, Điều 9, Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính	nhận được văn bản báo cáo cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn cơ sở đối với Phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng.	độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn		tác.	
III. LĨNH VỰC THỦY SẢN						
1	Thủ tục Cấp giấy phép khai thác thủy sản	06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	40.000 đồng/lần (Quy định tại Điều 4 kèm theo Thông tư số 118/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018)	- Luật Thủy sản ngày 21/11/2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Thông tư số 118/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ trưởng	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Bộ Tài chính về việc mức thu, chế độ thu nộp quản lý sử dụng phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; lệ phí cấp phép khai thác hoạt động thủy sản.	
2	Thủ tục Cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	20.000 đồng/lần (Quy định tại Điều 4 kèm theo Thông tư số 118/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của BTC)	- Luật Thủy sản ngày 21/11/2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của thủ tướng chính phủ về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Thông tư số 118/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc mức thu, chế độ thu nộp quản lý sử dụng phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; lệ phí cấp phép khai thác hoạt động thủy sản.	
3	Thủ tục Cấp	02 ngày làm việc	Nộp Hồ sơ theo một	Không	- Luật Thủy sản ngày	<i>Thủ tục được điều</i>

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác	kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	<p>trong các cách thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn 		<p>21/11/2017;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; công bố cảng cá chỉ định xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác; danh sách tàu cá khai thác thủy sản bắt hợp pháp; xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác - Thông tư số 13/2020/TT-BNNPTNT ngày 09/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018. 	<p><i>chỉnh:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung phần căn cứ pháp lý Thông tư số 13/2020/TT-BNNPTNT ngày 09/11/2020 của Bộ NN&PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018.

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					thủy sản từ khai thác; danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp; xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác.	
4	Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	<p>Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thủy sản ngày 21/11/2017; - Thông tư 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; công bố cảng cá chỉ định xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác; danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp; xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác. - Thông tư số 13/2020/TT-BNNPTNT ngày 09/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của 	<p><i>Thủ tục được điều chỉnh:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung phần căn cứ pháp lý Thông tư số 13/2020/TT-BNNPTNT ngày 09/11/2020 của Bộ NN&PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018.

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; công bố cảng cá chỉ định xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác; danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp; xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác.	
5	Thủ tục Xóa đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	<p>Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thủy sản ngày 21/11/2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá. 	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
6	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	<p>Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thủy sản ngày 21/11/2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá. 	
7	Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	<p>Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thủy sản ngày 21/11/2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu 	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					cá và đánh dấu tàu cá.	
8	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	Không	- Luật Thủy sản ngày 21/11/2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá.	
9	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá	- 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với hồ sơ thiết kế đóng mới, lần đầu; - 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với hồ sơ thiết kế cải hoán, sửa	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An. - Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến mức độ 4:	5% giá thiết kế (Quy định tại Biểu phí, lệ phí kèm theo Thông tư số 30/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016)	- Luật Thủy sản ngày 21/11/2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ	<i>Thủ tục được điều chỉnh:</i> Thay đổi địa điểm nộp hồ sơ từ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản, số 80 Ngô Sĩ Liên, Trường Thi, Thành phố Vinh, Nghệ An chuyển sang nộp hồ sơ tại

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		chữa phục hồi.	http://dichvucong.nghean.gov.vn		thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá; - Thông tư số 230/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá, phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; lệ phí cấp phép khai thác hoạt động thủy sản.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An
10	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An.	1. Giám sát kỹ thuật đóng mới (kể cả các phương tiện chưa được cơ quan đăng kiểm kiểm tra - kiểm tra lần đầu), C là giá trị đóng mới: a) Giá đóng mới đến 30.000.000 đồng: 350.000 đồng b) Giá đóng mới	- Luật Thủy sản ngày 21/11/2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu	<i>Thủ tục được điều chỉnh:</i> Thay đổi địa điểm nộp hồ sơ từ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản, số 80 Ngô Sỹ Liên, Trường Thi, Thành phố Vinh, Nghệ An chuyển sang nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				<p>trên 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng: 350.000 + (C-30.000.000) x 0,008 (đồng)</p> <p>c) Giá đóng mới trên 100.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng: 910.000 + (C-100.000.000) x 0,007 (đồng)</p> <p>d) Giá đóng mới trên 300.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng: 2.310.000 + (C-300.000.000) x 0,006 đồng</p> <p>đ) Giá đóng mới trên 1.000.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng: 6.510.000 +</p>	<p>cá và đánh dấu tàu cá; - Thông tư số 230/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá, phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; lệ phí cấp phép khai thác hoạt động thủy sản.</p>	<p>hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An</p>

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				<p>(C-1.000.000.000)x 0,005 (đồng)</p> <p>e) Giá đóng mới trên 2.000.000.000 đồng: 11.510.000 + (C-2.000.000.000)x 0,004 (đồng)</p> <p>2. Giám sát kỹ thuật cải hoán, sửa chữa, C là giá trị hoán cải, sửa chữa:</p> <p>a) Giá sửa chữa, hoán cải đến 15.000.000 đồng: 300.000 đồng</p> <p>b) Giá sửa chữa, hoán cải trên 15.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng: 300.000 + (C-15.000.000)x0,016 (đồng)</p> <p>c) Giá sửa chữa, hoán cải trên 50.000.000 đồng đến 150.000.000</p>		

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				<p>đồng: 860.000+ (C-50.000.000) x 0,012 (đồng)</p> <p>d) Giá sửa chữa, hoán cải trên 150.000.000 đồng đến 350.000.000 đồng: 2.060.000+ (C-150.000.000) x 0,009 (đồng)</p> <p>đ) Giá sửa chữa, hoán cải trên 350.000.000 đồng đến 700.000.000 đồng: 3.860.000 + (C-350.000.000) x 0,007 (đồng)</p> <p>e) Giá sửa chữa, hoán cải trên 700.000.000 đồng đến 1.200.000.000 đồng: 6.310.000 + (C- 700.000.000) x</p>		

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				0.005 (đồng) g) Giá sửa chữa, hoán cải trên 1.200.000.000 đồng đến 2.500.000.000 đồng: $8.810.000 + (C - 1.200.000.000) \times 0,003$ (đồng) h) Giá sửa chữa, hoán cải trên 2.500.000.000 đồng: $12.710.000 + (C - 2.500.000.000) \times 0,001$ (đồng) 3. Kiểm tra bất thường, tai nạn: 80% mức thu phí kiểm tra hàng năm đồng/lần/tàu 4. Kiểm tra an toàn kỹ thuật tàu cá và các trang thiết bị trên tàu cá hàng năm a) Kiểm tra phần vỏ		

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				tàu tính theo dung tích (TĐK): 2.000 đồng/TĐK b) Kiểm tra phần máy tàu (Tổng công suất máy chính + máy phụ (CV)): 1.000 đồng/cv c) Thiết bị hàng hải: 135.000 đồng/lần/hệ thống d) Thiết bị vô tuyến điện: 187.000 đồng/lần/hệ thống đ) Phương tiện tín hiệu: 45.000 đồng/lần/hệ thống e) Phương tiện cứu sinh: 135.000 đồng/lần/hệ thống f) Trang thiết bị khai thác thủy sản: 130.000 đồng/lần/hệ thống g) Các trang thiết bị đòi hỏi nghiêm ngặt về an toàn được		

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				trang bị trên tàu cá: - Bình chịu áp lực: + Dung tích một bình chịu áp lực, $V \leq 0,3 \text{ m}^3$: 75.000 đồng/lần + Dung tích bình chịu áp lực, $V > 0,3$ đến 1 m^3 : 150.000 đồng/lần - Các thiết bị lạnh: + Dưới 30.000 kcal/h: 1.050.000 đồng/hệ thống + Từ 30.000 kcal/h đến 50.000 kcal: 1.500.000 đồng/hệ thống + Trên 50.000 kcal/h đến 100.000 kcal: 2.250.000 đồng/hệ thống 5. Kiểm tra an toàn kỹ thuật tàu cá và các trang thiết bị trên tàu cá: Kiểm tra		

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				định kỳ a) Kiểm tra phần vỏ tàu tính theo dung tích (TĐK): 5.000 đồng/TĐK b) Kiểm tra phần hệ động lực và trang thiết bị buồng máy: 3.000 đồng/CV c) Thiết bị hàng hải: 75.000 đồng/lần/hệ thống d) Thiết bị vô tuyến điện: 75.000 đồng/lần/hệ thống đ) Phương tiện tín hiệu: 37.000 đồng/lần/hệ thống e) Phương tiện cứu sinh: 75.000 đồng/lần/hệ thống f) Trang thiết bị khai thác hải sản: 150.000 đồng/lần/hệ thống g) Trang thiết bị đòi		

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				<p>hỏi nghiêm ngặt về an toàn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bình chịu áp lực: + Dung tích một bình chịu áp lực, $V \leq 0,3 \text{ m}^3$: 105.000 đồng/lần + Dung tích bình chịu áp lực, $V > 0,3$ đến 1 m^3: 225.000 đồng/lần - Các thiết bị lạnh: + Dưới 30.000 kcal/h: 1.500.000 đồng/hệ thống + Từ 30.000 kcal/h đến 50.000 kcal: 2.250.000 đồng/hệ thống + Trên 50.000 kcal/h đến 100.000 kcal: 3.000.000 đồng/hệ thống <p>(quy định tại mục 2, 3, 4, 5, 6 phần II, biểu phí, lệ phí kèm</p>		

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				theo Thông tư 230/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016)		
11	Thủ tục Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ giống thủy sản bố mẹ)	<ul style="list-style-type: none"> - 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với cấp mới giấy chứng nhận; - 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với cấp lại giấy chứng nhận. 	<p>Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thủy sản ngày 21/11/2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thủy sản. 	
12	Thủ tục Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ	<ul style="list-style-type: none"> - 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với cấp mới giấy chứng nhận; - 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với cấp lại giấy 	<p>Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức 	5.700.000 đồng/lần (có hoạt động sản xuất) (Quy định tại Biểu phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nuôi trồng thủy sản kèm theo Thông tư 284/ 2016/TT-BTC ngày 14/11/2016)	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thủy sản ngày 21/11/2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thủy sản. - Thông tư số 26/2018/TT-BNNPTNT ngày 	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	chứng nhận.	độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn		15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý giống, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản. - Thông tư 284/ 2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nuôi trồng thủy sản; - Thông tư số 09/2018/TT-BTC ngày 25/1/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 284/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	
13	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ	Không	- Luật Thủy sản ngày 21/11/2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	(theo yêu cầu)		hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn		quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;	
14	Thủ tục Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	Không	- Luật Thủy sản ngày 21/11/2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.	
15	Thủ tục Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức cá nhân	45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An;	Không	- Luật Thủy sản ngày 21/11/2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	Việt Nam (trong phạm vi 6 hải lý)		An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn		quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.	
16	Thủ tục Cấp lại giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 6 hải lý)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	Không	- Luật Thủy sản ngày 21/11/2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.	
17	Thủ tục Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An;	Không	- Luật Thủy sản ngày 21/11/2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thủy sản.	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng.		An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn			
18	Thủ tục Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên.	- 03 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với cấp giấy xác nhận nguồn gốc; - 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với Cấp giấy xác nhận nguồn gốc mẫu vật loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm được khai thác từ tự nhiên trước thời điểm quy định cấm khai thác có hiệu lực.	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thị, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	Không	- Luật Thủy sản ngày 21/11/2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
19	Thủ tục Xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước (theo yêu cầu)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	<p>Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại Ban quản lý Cảng cá: Cửa Hội (địa chỉ: xã Nghi Hải – TX Cửa Lò) hoặc Lạch Vạn (địa chỉ: xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu) hoặc Lạch Quèn (địa chỉ: Xã Quỳnh Thuận, huyện Quỳnh Lưu); Quỳnh Phương (địa chỉ: phường Quỳnh Phương – TX Hoàng Mai – Nghệ An - Nộp qua đường Bru điện đến Ban quản lý Cảng cá: Cửa Hội hoặc Lạch Vạn hoặc Lạch Quèn hoặc Quỳnh phương 	<ul style="list-style-type: none"> - 150.000 đồng + (số tấn thủy sản x 15.000 đồng/tấn); Tối đa 700.000 đồng/lần (Quy định tại Điều 4 kèm theo Thông tư số 118/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018) 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thủy sản ngày 21/11/2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thủy sản; - Thông tư 21/2018/TT- BNNPTNT ngày 15/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; công bố cảng cá chỉ định xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác; danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp; xác nhận ngô gốc thủy sản khai thác do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành; - Thông tư số 	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					118/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp quản lý, sử dụng phí thăm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; lệ phí cấp phép khai thác, hoạt động thủy sản.	
20	Thủ tục Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: - Công khai phương án: 03 ngày làm việc; - Thăm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng: 60 ngày.	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	Không	- Luật Thủy sản năm 2017; - Điều 5, Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.	
21	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung nội dung	- Đối với trường hợp thay đổi tên tổ chức cộng	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau:	Không	- Luật Thủy sản năm 2017; - Điều 5, Nghị định số	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng, Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định; - Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: + Công khai phương án: 03 ngày làm việc; + Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn		26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng: 60 ngày.				
22	Thủ tục Công bố mở cảng cá loại 2	<ul style="list-style-type: none"> - Xem xét hồ sơ, tổ chức khảo sát thực tế tại cảng cá, quyết định công bố mở cảng cá: 06 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định; - Thông báo Quyết định công bố mở cảng cá trên các phương tiện thông tin đại chúng: 02 ngày kể từ ngày được ban hành. 	<p>Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thủy sản năm 2017; - Điều 60, Điều 61, Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. 	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
23	Thủ tục Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá.	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn		- Luật Thủy sản năm 2017; - Điều 54, Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.	
IV. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN						
1	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông,	- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định đối với trường hợp đã được xếp loại trước; - 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức	- Thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm : 700.000đồng/lần - Thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện an toàn thực phẩm: 350.000 đồng/lần (Quy định tại Điều	- Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm; - Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	lâm, thủy sản	theo quy định đối với trường hợp cơ sở chưa thẩm định xếp loại.	độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	5 kèm theo Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018)	<p>25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Quy định việc thẩm định chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</p> <p>- Thông tư 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp;</p> <p>- Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 286/2016/TT-BTC</p> <p>- Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 28/2/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh</p>	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Nghệ An về phân công thực hiện quản lý an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Nghệ An.	
2	Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày giấy chứng nhận an toàn thực phẩm hết hạn)	<ul style="list-style-type: none"> - 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định đối với trường hợp đã được thẩm định xếp loại trước; - 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với trường hợp cơ sở chưa thẩm định xếp loại. 	<p>Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn 	<ul style="list-style-type: none"> - Thẩm định cấp lại giấy chứng nhận an toàn thực phẩm: 700.000đồng/lần đánh giá. - Thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện an toàn thực phẩm: 350.000 đồng/cơ sở (Quy định tại Điều 5 kèm theo Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018) 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm; - Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Quy định việc thẩm định chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư 286/2016/TT- 	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp;</p> <p>- Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư 286/2016/TT-BTC</p> <p>- Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 28/2/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về phân công thực hiện quản lý an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Nghệ An.</p>	
3	Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện	Không	<p>- Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010;</p> <p>- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày</p>	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	<p>thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên giấy chứng nhận an toàn thực phẩm)</p>		<p>đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An;</p> <p>- Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn</p>		<p>2/2/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;</p> <p>- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Quy định việc thẩm định chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</p> <p>- Thông tư 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp;</p> <p>- Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung</p>	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>Thông tư 286/2016/TT-BTC;</p> <p>- Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 28/2/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về phân công thực hiện quản lý an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Nghệ An.</p>	
4	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận xuất xứ (hoặc phiếu kiểm soát thu hoạch) cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	<p>Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau:</p> <p>- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An;</p> <p>- Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn</p>	Không	- Thông tư số 33/2015/TT-BNNPTNT ngày 8/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về giám sát vệ sinh, ATTP trong thu hoạch nhuyễn thể hai mảnh vỏ	
5	Thủ tục Cấp đổi phiếu kiểm soát thu	01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận được	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau:	Không	- Thông tư số 33/2015/TT-BNNPTNT ngày 8/10/2015 của Bộ Nông	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	hoạch sang giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ	hồ sơ theo quy định.	<p>- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An;</p> <p>- Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn</p>		<p>nghiệp và PTNT Quy định về giám sát vệ sinh, ATTP trong thu hoạch nhuyễn thể hai mảnh vỏ</p>	
6	Thủ tục Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	<p>Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau:</p> <p>- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An;</p> <p>- Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn</p>	Không	<p>- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa;</p> <p>- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa;</p>	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành; - Nghị định số 40/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về quản lý, sản xuất, kinh doanh muối; - Thông tư số 39/2018/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu. 	
7	Thủ tục Kiểm tra nhà nước về an toàn thực	- Đối với phương thức kiểm tra chặt: 07 ngày làm việc kể từ ngày	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc	Không	- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành	



ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	phẩm muối nhập khẩu	nhận đủ hồ sơ theo quy định; - Đối với phương thực kiểm tra thông thường: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn		một số điều của Luật An toàn thực phẩm; - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế; - Thông tư số 39/2018/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu.	
V. LĨNH VỰC THÚ Y						
1	Thủ tục Cấp, cấp lại giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y	- 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với trường hợp cấp mới, cấp lại do Giấy chứng	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường	+ Cơ sở chăn nuôi động vật tập trung; cơ sở sơ chế, chế biến, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật; kho lạnh bảo quản động	- Luật Thú y ngày 19/6/2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;	<i>Thủ tục được điều chỉnh:</i> Thay đổi phí, lệ phí và căn cứ pháp lý vì thay đổi Thông tư: Thông tư số 101/2020/TT-BTC

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>nhận hết hạn; - 3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận.</p>	<p>Thị, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn</p>	<p>vật, sản phẩm động vật tươi sống, sơ chế, chế biến; cơ sở giết mổ động vật tập trung; cơ sở ấp trứng, sản xuất, kinh doanh con giống; chợ chuyên kinh doanh động vật; cơ sở xét nghiệm, chẩn đoán bệnh động vật; cơ sở phẫu thuật động vật; cơ sở sản xuất nguyên liệu thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc động vật và các sản phẩm động vật khác không sử dụng làm thực phẩm. 1.000.000 đồng/lần. + Cơ sở cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; chợ kinh doanh động vật nhỏ lẻ; cơ sở thu gom động vật: 450.000 đồng/lần (Quy định</p>	<p>- Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y; - Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.</p>	<p>ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y thay thế Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.</p>

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				tại mục V, Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y kèm theo Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020))		
2	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	14,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	300.000 đồng/lần (Quy định tại mục II, Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y kèm theo Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020))	- Luật Thú y ngày 19/6/2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thú y; - Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y	<i>Thủ tục được điều chỉnh:</i> Thay đổi phí, lệ phí và căn cứ pháp lý vì thay đổi Thông tư: Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y thay thế Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
3	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất giống thủy sản)	14,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định.	<p>Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn 	300.000 đồng/lần (Quy định tại mục II, Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y kèm theo Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020)	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thú y ngày 19/6/2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y; - Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC, ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng 	<p><i>Thủ tục được điều chỉnh:</i></p> <p>Thay đổi phí, lệ phí và căn cứ pháp lý vì thay đổi Thông tư: Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y thay thế Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.</p>

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y	
4	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại	11 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ theo quy định.	<p>Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn 	300.000 đồng/lần (Quy định tại mục II, Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y kèm theo Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020)	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thú y ngày 19/6/2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y; - Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC, ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc 	<p><i>Thủ tục được điều chỉnh:</i></p> <p>Thay đổi phí, lệ phí và căn cứ pháp lý vì thay đổi Thông tư: Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y thay thế Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.</p>

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					dùng cho động vật; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.	
5	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	<p>- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định với trường hợp đã đánh giá định kỳ mà thời gian đánh giá chưa quá 12 tháng (tính đến ngày hết hiệu lực của Giấy chứng nhận);</p> <p>- 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định với trường hợp chưa được đánh giá định kỳ hoặc</p>	<p>Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau:</p> <p>- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An;</p> <p>- Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn</p>	<p>- Đối với trường hợp không phải kiểm tra đánh giá lại: không thu phí.</p> <p>- Đối với trường hợp phải kiểm tra đánh giá lại: 300.000 đồng/lần (Quy định tại mục II, Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y kèm theo Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020)</p>	<p>- Luật Thú y ngày 19/6/2015;</p> <p>- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;</p> <p>- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật;</p> <p>- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định</p>	<p><i>Thủ tục được điều chỉnh:</i></p> <p>Thay đổi phí, lệ phí và căn cứ pháp lý vì thay đổi Thông tư: Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y thay thế Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.</p>

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		được đánh giá định kỳ nhưng thời gian đánh giá quá 12 tháng tính đến ngày hết hiệu lực của Giấy chứng nhận.			khung giá dịch vụ tiêm phòng, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.	
6	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản	<p>- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với trường hợp: cơ sở đã được đánh giá định kỳ mà thời gian đánh giá không quá 12 tháng;</p> <p>- 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với trường hợp: cơ sở chưa được</p>	<p>Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau:</p> <p>- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An;</p> <p>- Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn</p>	<p>- Đối với trường hợp không phải kiểm tra đánh giá lại: không thu phí, lệ phí</p> <p>- Đối với trường hợp phải kiểm tra đánh giá lại: 300.000 đồng/lần (Quy định tại mục II, Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y kèm theo Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày</p>	<p>- Luật Thú y ngày 19/6/2015;</p> <p>- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;</p> <p>- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật;</p>	<p><i>Thủ tục được điều chỉnh:</i></p> <p>Thay đổi phí, lệ phí và căn cứ pháp lý vì thay đổi Thông tư: Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y thay thế Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày</p>

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		đánh giá định kỳ hoặc được đánh giá định kỳ nhưng thời gian đánh giá quá 12 tháng.		23/11/2020)	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y. 	14/11/2016.
7	Thủ tục Cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc thủy sản)	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	<p>Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thú y ngày 19/6/2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y; - Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp 	



ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			http://dichvucong.nghean.gov.vn		và Phát triển nông thôn quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật;	
8	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung giấy chứng nhận	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	300.000đ/lần (Quy định tại mục II, Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y kèm theo Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020)	- Luật Thú y ngày 19/6/2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y; - Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động	<i>Thủ tục được điều chỉnh:</i> Thay đổi phí, lệ phí và căn cứ pháp lý vì thay đổi Thông tư: Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y thay thế Thông tư số 285/2016/TT-

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					vật; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.	BTC ngày 14/11/2016.
9	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung giấy	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức	300.000đ/lần (Quy định tại mục II, Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y kèm theo Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020)	- Luật Thú y ngày 19/6/2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y; - Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ	<i>Thủ tục được điều chỉnh:</i> Thay đổi phí, lệ phí và căn cứ pháp lý vì thay đổi Thông tư: Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	chứng nhận		độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn		trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.	thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y thay thế Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
10	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ	300.000đ/lần (Quy định tại mục II, Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y kèm theo Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày	- Luật Thú y ngày 19/6/2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số	<i>Thủ tục được điều chỉnh:</i> Thay đổi phí, lệ phí và căn cứ pháp lý vì thay đổi Thông tư: Thông tư số

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	thủy sản) đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận		An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	23/11/2020)	điều của Luật Thú y; - Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.	101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y thay thế Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
11	Thủ tục Cấp giấy chứng	- Trong thời hạn 01 ngày làm việc	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau:	- Phí kiểm tra lâm sàng động vật:	- Luật Thú y ngày 19/6/2015;	<i>Thủ tục được điều chỉnh:</i>

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	nhận kiểm dịch động vật/sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với: Động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã tham gia chương trình giám sát không có mầm bệnh, hoặc phòng bệnh bắt buộc bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định hoặc sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở chế biến được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y; - Trong 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với các	- Nộp trực tiếp đến Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Nghệ An hoặc Trung tâm dịch vụ nông nghiệp cấp huyện được ủy quyền - Nộp qua email, zalo, fax (nộp bản gốc sau) đến Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Nghệ An hoặc Trung tâm dịch vụ nông nghiệp cấp huyện được ủy quyền	+ Trâu, bò, ngựa, lừa, la, dê, cừu, đà diều: 50.000 đồng/Lô hàng/xe ô tô; + Lợn: 60.000 đồng/ Lô hàng/xe ô tô; + Hổ, báo, voi, hươu, nai, sư tử, bò rừng và động vật khác có khối lượng tương đương: 300.000 đồng/ Lô hàng/xe ô tô; + Gia cầm: 35.000 đồng/ Lô hàng/xe ô tô; + Chó, mèo, khỉ, vượn, cáo, nhím, chồn, trăn, cá sấu, kỳ đà, rắn, tắc kè, thằn lằn, rùa, kỳ nhông, thỏ, chuột nuôi thí nghiệm, ong nuôi và động vật khác có khối lượng tương đương	- Thông tư số 25/2016/TT- BNNPTNT ngày 30/6/2016 Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn; - Thông tư số 22/2009/TT- BNN ngày 28/4/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn yêu cầu về giống vật nuôi, kiểm dịch vận chuyển giống vật nuôi đảm bảo an toàn dịch bệnh phát triển chăn nuôi; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng	Thay đổi phí, lệ phí và căn cứ pháp lý vì thay đổi Thông tư: Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y thay thế Thông tư số 285/2016/TT- BTC ngày 14/11/2016. - Thay đổi nơi tiếp nhận hồ sơ phù hợp với quy định tại điều 4, mục 1, chương II, Thông tư 25/2016/TT- BNNPTNT ngày 30/6/2016 và phù hợp với thực tế.

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		trường hợp còn lại.		<p>theo quy định tại Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT, ngày 30/6/2016: 100.000 đồng/ Lô hàng/xe ô tô;</p> <p>- Giám sát cách ly kiểm dịch:</p> <p>+ Đối với động vật giống: 800.000 đồng/ Lô hàng/xe ô tô;</p> <p>+ Đối với động vật thương phẩm: 500.000 đồng/ Lô hàng/xe ô tô;</p> <p>- Kiểm dịch sản phẩm động vật, thức ăn chăn nuôi và các sản phẩm khác có nguồn gốc động vật (chưa bao gồm chi phí xét nghiệm)</p> <p>+ Kiểm dịch sản phẩm động vật đông lạnh: 200.000</p>	Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				<p>đồng/Container/Lô hàng;</p> <p>+ Kiểm dịch thịt, phủ tạng, phụ phẩm và sản phẩm từ thịt, phủ tạng, phụ phẩm của động vật ở dạng tươi sống, hun khói, phơi khô, sấy, ướp muối, ướp lạnh, đóng hộp; Lạp xường, pa tê, xú xích, dăm bông, mỡ và các sản phẩm động vật khác ở dạng sơ chế, chế biến; Sữa tươi, sữa chua, bơ, pho mát, sữa hộp, sữa bột, sữa bánh và các sản phẩm từ sữa; Trứng tươi, trứng muối, bột trứng và các sản phẩm từ trứng; Trứng gia cầm giống, trứng tằm; phôi, tinh dịch động vật; Bột thịt, bột xương, bột huyết,</p>		

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				bột lông vũ và các sản phẩm động vật khác ở dạng nguyên liệu; thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản chứa thành phần có nguồn gốc từ động vật; Bột cá, dầu cá, mỡ cá, bột tôm, bột sò và các sản phẩm từ thủy sản khác dùng làm nguyên liệu để chế biến thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm, thủy sản; Dược liệu có nguồn gốc động vật: Nọc rắn, nọc ong, vẩy tê tê, mật gấu, cao động vật, men tiêu hóa và các loại dược liệu khác có nguồn gốc động vật; da động vật ở dạng: Tươi, khô, ướp muối; Da lông, thú nhồi bông của các loài động vật; Hồ,		

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				báo, cây, thỏ, rái cá và từ các loài động vật khác; Lông vũ: Lông gà, lông vịt, lông ngỗng, lông công và lông của các loài chim khác; Răng sừng, móng, ngà, xương của động vật; Tổ yến, sản phẩm từ yến; Mật ong, sữa ong chúa, sáp ong; Kén tằm: 100.000 đồng/ Container/Lô hàng.		
12	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn tỉnh	<p>- Trường hợp giống thủy sản xuất phát từ cơ sở an toàn dịch bệnh, được giám sát bệnh: 1 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;</p> <p>- Các trường hợp còn lại: 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ</p>	<p>Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau:</p> <p>- Nộp trực tiếp đến Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Nghệ An hoặc Trung tâm dịch vụ nông nghiệp cấp huyện được ủy quyền</p> <p>- Nộp qua email, zalo, fax (nộp bản gốc sau) đến Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Nghệ An hoặc Trung tâm dịch vụ nông nghiệp cấp huyện được</p>	<p>- Phí kiểm tra lâm sàng động vật thủy sản: 100.000 đồng/lô hàng (xe ô tô)</p> <p>- Giám sát cách ly kiểm dịch:</p> <p>+ Đối với động vật giống thủy sản: 800.000 đồng/ Lô hàng/xe ô tô;</p> <p>+ Đối với động vật</p>	<p>- Luật Thú y ngày 19/6/2015;</p> <p>- Thông tư số 36/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định</p>	<p><i>Thủ tục được điều chỉnh:</i></p> <p>Thay đổi phí, lệ phí và căn cứ pháp lý vì thay đổi Thông tư: Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác</p>

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		sơ theo quy định.	ủy quyền	<p>thủy sản thương phẩm: 500.000 đồng/ Lô hàng/xe ô tô;</p> <p>- Chi phí xét nghiệm bệnh:</p> <p>+ Đối với tôm giống: 1.261.000 đồng - 1.782.000 đồng/từ 03 - 05 chỉ tiêu bệnh (WSSV, YHV, TSV, AHPND, IHHNV).</p> <p>+ Ngao giống, cá giống, các loài giáp xác: 473.000 đồng - 520.000 đồng/mẫu/chỉ tiêu.</p>	<p>về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;</p> <p>- Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;</p> <p>- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật;</p> <p>- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.</p>	<p>thú y thay thế Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.</p> <p>- Thay đổi nơi tiếp nhận hồ sơ phù hợp với quy định tại điều 4, mục 1, chương II, Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 và phù hợp với thực tế.</p>
13	Thủ tục Cấp giấy chứng	- Trường hợp giống thủy sản	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau:	- Phí kiểm tra lâm sàng động vật thủy	- Luật Thú y ngày 19/6/2015;	<i>Thủ tục được điều chỉnh:</i>

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm; động vật thủy sản biểu diễn nghệ thuật.	xuất phát từ cơ sở an toàn dịch bệnh, được giám sát bệnh: 1 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định; - Các trường hợp còn lại: 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp đến Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Nghệ An hoặc Trung tâm dịch vụ nông nghiệp cấp huyện được ủy quyền - Nộp qua email, zalo, fax (nộp bản gốc sau) đến Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Nghệ An hoặc Trung tâm dịch vụ nông nghiệp cấp huyện được ủy quyền	sản: 100.000 đồng/lô hàng (xe ô tô) - Giám sát cách ly kiểm dịch: + Đối với động vật giống thủy sản: 800.000 đồng/ Lô hàng/xe ô tô; + Đối với động vật thủy sản thương phẩm: 500.000 đồng/ Lô hàng/xe ô tô; - Chi chí xét nghiệm bệnh: + Đối với tôm giống: 1.261.000 đồng - 1.782.000 đồng/từ 03 - 05 chỉ tiêu bệnh (WSSV, YHV, TSV, AHPND, IHHNV). + Ngao giống, cá giống, các loài giáp xác: 473.000 đồng - 520.000	- Thông tư số 36/2018/TT- BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 26/2016/TT- BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản; - Thông tư số 26/2016/TT- BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc	- Thay đổi phí, lệ phí và căn cứ pháp lý vì thay đổi Thông tư: Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y thay thế Thông tư số 285/2016/TT- BTC ngày 14/11/2016. - Thay đổi nơi tiếp nhận hồ sơ phù hợp với quy định tại điều 4, mục 1, chương II, Thông tư 25/2016/TT- BNNPTNT ngày 30/6/2016 và phù hợp với thực tế.

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				đồng/mẫu/chỉ tiêu.	dùng cho động vật; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.	
14	Thủ tục Cấp chứng chỉ hành nghề thú y (bao gồm: Tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	50.000 đồng/ Giấy chứng nhận (Quy định tại mục I, Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y kèm theo Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020)	- Luật Thú y ngày 19/6/2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y; - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp,	<i>Thủ tục được điều chỉnh:</i> Thay đổi phí, lệ phí và căn cứ pháp lý vì thay đổi Thông tư: Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y thay thế Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y	
15	Thủ tục Gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y (Bao gồm: Tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	50.000 đồng/Giấy chứng nhận Quy định tại mục I, Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y kèm theo Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020)	- Luật Thú y ngày 19/6/2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y; - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.	<i>Thủ tục được điều chỉnh:</i> Thay đổi phí, lệ phí và căn cứ pháp lý vì thay đổi Thông tư: Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y thay thế Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016
16	Thủ tục Cấp lại chứng chỉ hành nghề thú y (Trong	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc	50.000 đồng/lần Quy định tại mục I, Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y	- Luật Thú y ngày 19/6/2015; - Nghị định số	<i>Thủ tục được điều chỉnh:</i> Thay đổi phí, lệ phí

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp chứng chỉ hành nghề thú y)	định	gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	kèm theo Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020)	35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y; - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.	và căn cứ pháp lý vì thay đổi Thông tư: Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y thay thế Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
17	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An;	230.000 đồng/lần Quy định tại mục V, Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y kèm theo Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020)	- Luật Thú y ngày 19/6/2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y; - Thông tư số 13/2016/TT-	<i>Thủ tục được điều chỉnh:</i> Thay đổi phí, lệ phí và căn cứ pháp lý vì thay đổi Thông tư: Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			- Hoạch nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn		BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y; - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.	định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y thay thế Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016
18	Thủ tục Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường	230.000 đồng/lần Quy định tại mục V, Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y kèm theo Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày	- Luật Thú y ngày 19/6/2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Thú	<i>Thủ tục được điều chỉnh:</i> Thay đổi phí, lệ phí và căn cứ pháp lý vì thay đổi Thông tư: Thông tư số 101/2020/TT-BTC

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			Thị, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	23/11/2020)	y; - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp. - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.	ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y thay thế Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.
19	Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ	Không	- Luật Thú y ngày 19/6/2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	thuốc thú y (Trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký)		hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn		về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y; - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y.	
20	Thủ tục Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	900.000 đồng/lần Quy định tại mục V, Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y kèm theo Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020)	- Luật thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ Về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y; - Thông tư số 13/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về quản lý thuốc thú y. - Thông tư số	<i>Thủ tục được điều chỉnh:</i> Thay đổi phí, lệ phí và căn cứ pháp lý vì thay đổi Thông tư: Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y thay thế Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.	
VI. LĨNH VỰC CHĂN NUÔI						
1	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	<p>a) Đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc:</p> <p>- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp:</p> <p>+ Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>+ Thẩm định hồ sơ và thành lập đoàn đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ</p>	<p>Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau:</p> <p>- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An;</p> <p>- Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn</p>	Không	<p>- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018;</p> <p>- Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.</p>	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>sơ đầy đủ.</p> <p>+ Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá điều kiện thực tế.</p> <p>- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng:</p> <p>+ Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc.</p> <p>+ Thẩm định hồ sơ và thành lập đoàn đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ</p>				

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>sơ đầy đủ.</p> <p>+ Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá điều kiện thực tế.</p> <p>b) Đối với cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng:</p> <p>- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp:</p> <p>+ Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>+ Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn</p>				

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>chăn nuôi: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.</p> <p>- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng:</p> <p>+ Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc.</p> <p>+ Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.</p>				
2	Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện	<p>- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp:</p> <p>+ Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ:</p>	<p>Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau:</p> <p>- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu</p>	Không	<p>- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018;</p> <p>- Nghị định số</p>	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	<p>Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>+ Thẩm định hồ sơ và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.</p> <p>- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng:</p> <p>+ Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc.</p> <p>+ Thẩm định hồ sơ và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được</p>	<p>điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An;</p> <p>- Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn</p>		13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		hồ sơ đầy đủ.				
3	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với trang trại quy mô lớn	<p>- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp:</p> <p>+ Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>+ Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi: Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.</p> <p>- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng:</p> <p>+ Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc.</p> <p>+ Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện</p>	<p>Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau:</p> <p>- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An;</p> <p>- Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn</p>	Không	<p>- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018;</p> <p>- Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.</p>	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		chăn nuôi: Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.				
4	Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	<p>- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp:</p> <p>+ Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>+ Thẩm định hồ sơ và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.</p> <p>- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng:</p> <p>+ Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ:</p>	<p>Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau:</p> <p>- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An;</p> <p>- Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn</p>	Không	<p>- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018;</p> <p>- Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.</p>	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		Trong thời hạn 03 ngày làm việc. + Thẩm định hồ sơ và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.				
VII. LĨNH VỰC KIỂM LÂM						
1	Thủ tục Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loại động vật, thực vật nguy cấp, quý, hiếm nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc phụ lục II,III CITES	- 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định; - Trong trường hợp cần kiểm tra thực tế thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	Không	- Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017; - Luật Thủy sản 18/2017/QH14; - Điều 14, Điều 15, Điều 18, Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp quý hiếm, và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.	<i>Thủ tục được điều chỉnh:</i> Giảm thời gian giải quyết so với quy định từ 30 ngày xuống còn 25 ngày trong trường hợp cần kiểm tra thực tế.

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
2	Thủ tục Chuyển loại rừng đối với khu rừng do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập	45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	Không	- Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017; - Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 nghị định Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.	
3	Thủ tục Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	23 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	Không	- Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017; - Thông tư 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững.	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
4	Thủ tục Phê duyệt đề án đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng.	50 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	Không	- Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017; - Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.	
5	Thủ tục Phê duyệt đề án đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ	50 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	Không	- Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017; - Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
6	Thủ tục Miễn, giảm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)	- 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	Không	- Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017; - Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.	
7	Thủ tục Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	1. Đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của Quốc hội: - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 05 ngày làm việc. - UBND tỉnh: 25 ngày làm việc. - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An	Không	Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>25 ngày làm việc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thủ tướng Chính phủ: Theo Quy chế làm việc của Chính phủ. - Quốc hội: Theo quy chế làm việc của Quốc hội. <p>2. Đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 05 ngày làm việc. - UBND tỉnh: 25 ngày làm việc. - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 25 ngày làm việc. - Thủ tướng Chính phủ: Theo Quy chế làm việc của Chính phủ. 				

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>Đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 05 ngày làm việc. - UBND tỉnh: 40 ngày làm việc. - HĐND tỉnh: Theo Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân tỉnh. 				
8	<p>Thủ tục Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (Gồm công nhận: cây trọt; lâm phần tuyển chọn; rừng giống chuyển hóa; rừng</p>	<p>18 ngày làm việc từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định</p>	<p>Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: 	<ul style="list-style-type: none"> - Phí bình tuyển, công nhận cây mẹ: 450.000 đồng/cây/lần - Phí bình, tuyển công nhận vườn cây đầu dòng: 1.000.000 đồng/vườn/lần - Phí bình tuyển, công nhận rừng giống: 2.750.000 đồng/01 rừng 	<p>Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25/3/2021 của Chính Phủ về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp;</p> <p>Thông tư 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công</p>	<p><i>Thủ tục được điều chỉnh:</i></p> <p>Bổ sung phần căn cứ pháp lý “Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25/3/2021 của Chính Phủ về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp”.</p>

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	giống; vườn cây đầu dòng)		http://dichvucong.nghean.gov.vn	giống/lần (Quy định tại Điều 2 kèm theo Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 20/12/2017 của HĐND tỉnh Nghệ An)	nhận giống và nguồn giống; quản lý vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp chính; - Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp; - Thông tư số 14/2018/TT- BTC ngày 07/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp; - Nghị quyết 15/2017/NQ- HĐND ngày 20/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An về việc Quy	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					định mức thu, quản lý và sử dụng phí bình tuyến công nhận cây mẹ, vườn cây đầu dòng, rừng giống trên địa bàn tỉnh Nghệ An.	
9	Thủ tục Phê duyệt khai thác động vật rừng thông thường từ rừng tự nhiên	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An.	Không	- Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017; - Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; - Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.	
10	Thủ tục Nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng	- Đối với trường hợp tỉnh còn quỹ đất trồng rừng thay thế: 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ	Không	- Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017; - Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	cấp tỉnh	sơ theo quy định - Đối với trường hợp tỉnh không còn quỹ đất trồng rừng thay thế: 65 - 67 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định	An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn		Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.	
11	Thủ tục Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyên sang mục đích khác	- 33 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. - 48 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với trường hợp nhận xác minh thực địa về hiện trạng diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, địa điểm dự kiến trồng rừng thay thế	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	Không	- Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017; - Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
12	Thủ tục Phê duyệt, điều chỉnh thiết kế kỹ thuật dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	Không	- Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017; - Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 hướng dẫn một số nội dung đầu tư công trình lâm sinh.	
13	Phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ	- Trường hợp không phải xác minh: 01 ngày làm việc. - Trường hợp phải xác minh: 04 ngày làm việc; 13 ngày làm việc đối với trường hợp nghi ngờ cần kiểm tra xác minh.	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	Không	Chương III Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam.	<i>Thủ tục được công bố lần đầu</i> Căn cứ Quyết định số 4044/QĐ-BNN-TCLN ngày 4/10/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố TTHC mới ban hành lĩnh vực lâm nghiệp

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
VIII. LĨNH VỰC QUẢN LÝ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH						
1	Thủ tục Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình xây dựng để đưa vào sử dụng.	20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ quy định	Nộp hồ sơ trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An.	Theo dự toán được chủ đầu tư phê duyệt.	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật xây dựng sửa đổi, bổ sung số 62/2020/QH14; - Điều 23, 24 Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.	<i>Thủ tục được điều chỉnh:</i> - Thay đổi thời gian giải quyết từ 16 ngày nâng lên 20 ngày; - Sửa đổi, bổ sung phần căn cứ pháp lý; Do văn bản QPPL mới ban hành, cụ thể: Luật xây dựng sửa đổi, bổ sung số 62/2020/QH14 và Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ.
2	Thủ tục Thẩm định, thẩm định điều chỉnh thiết kế xây dựng và triển khai sau thiết kế cơ sở	Không quá 30 ngày đối với công trình cấp II và cấp III; Không quá 20 ngày đối với công trình còn lại	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An.	Chi phí được trích từ phí, chi phí thẩm định dự toán xây dựng	- Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật xây dựng sửa đổi, bổ sung số 62/2020/QH14 - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 3/3/2021 Nghị định Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự	<i>Thủ tục được điều chỉnh:</i> - Thay đổi tên TTHC "Thủ tục thẩm định thiết kế xây dựng và dự toán dự án đầu tư xây dựng công trình"

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>án đầu tư xây dựng Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 9/2/2021 của chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.</p>	<p>thành TTHC “<i>Thủ tục Thẩm định, thẩm định điều chỉnh thiết kế xây dựng về triển khai sau thiết kế cơ sở</i>”;</p> <p>- Thời hạn giải quyết từ “<i>24 ngày đối với công trình cấp II và III, 16 ngày đối với công trình cấp IV</i>” thành “<i>Không quá 30 ngày đối với công trình cấp II và cấp III; Không quá 20 ngày đối với công trình còn lại</i>”</p> <p>- Sửa đổi, bổ sung phần căn cứ pháp lý;</p> <p>Do văn bản QPPL mới ban hành, cụ thể: Luật xây dựng sửa đổi, bổ sung số 62/2020/QH14; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 3/3/2021 của Chính phủ; Nghị</p>



ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						định số 10/2021/NĐ-CP ngày 9/2/2021 của chính phủ.
3	Thủ tục Thẩm định, thẩm định điều chỉnh báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng (trừ trường hợp nguồn vốn quy định tại Điều 2, Quyết định 41/2017/QĐ-UBND tỉnh Nghệ An ngày 5/4/2017)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An.	Theo dự toán được chủ đầu tư phê duyệt	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật xây dựng sửa đổi, bổ sung số 62/2020/QH14 - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 3/3/2021 Nghị định Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 9/2/2021 của chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng - Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND ngày 05/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành một số quy định một số nội dung về quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh Nghệ An. 	<p><i>Thủ tục được điều chỉnh:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi tên TTHC “<i>Thủ tục thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng</i>” thành TTHC “<i>Thủ tục Thẩm định, thẩm định điều chỉnh báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng (trừ trường hợp nguồn vốn quy định tại Điều 2, Quyết định 41/2017/QĐ-UBND tỉnh Nghệ An ngày 5/4/2017)</i>”; - Thời hạn giải quyết từ “16 ngày làm việc” thành “15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định”; - Sửa đổi, bổ sung

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						phần căn cứ pháp lý; Do văn bản QPPL mới ban hành, cụ thể: Luật xây dựng sửa đổi, bổ sung số 62/2020/QH14; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 3/3/2021 của Chính phủ; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 9/2/2021 của chính phủ.
IX. LĨNH VỰC THỦY LỢI						
1	Thủ tục Cấp lại giấy phép các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tình Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An.	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	tỉnh					
2	Thủ tục Cấp lại giấy phép đối với các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An.	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.	
3	Thủ tục Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Thông tư số 05/2018/TT-	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý	định	An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An.		BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.	
4	Thủ tục Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An.	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.	
5	Thủ tục Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An.	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh		An.		điều của Luật Thủy lợi.	
6	Thủ tục Cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi, trừ	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh		Thị, thành phố Vinh, Nghệ An.		14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.	
7	Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An.	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.	
8	Thủ tục Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	nỗ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh		An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An.		14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.	
9	Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ của Ủy ban nhân dân tỉnh	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An.	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.	
0	Thủ tục Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An.	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh					
1	Thủ tục Cấp giấy phép cho các hoạt động nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An.	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Thủy lợi.	
2	Thủ tục Cấp gia hạn, Điều chỉnh nội dung giấy phép: xây dựng công trình mới; lập bến, bãi tập	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An.	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Thủy lợi.	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh					
3	Thủ tục Cấp gia hạn, Điều chỉnh nội dung giấy phép: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An.	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Thủy lợi.	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh					
4	Thủ tục Cấp gia hạn, Điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An.	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Thủy lợi. 	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	dân tỉnh					
5	Thủ tục Cấp gia hạn, Điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An.	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Thủy lợi.	
6	Thủ tục Cấp gia hạn, Điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An.	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Thủy lợi.	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh					
7	Thủ tục Thẩm định, phê duyệt, Điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh	30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An.	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.	
8	Thủ tục Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An.	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Khoản 1, điểm b khoản 2, khoản 4 - Điều 19, Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
9	Thủ tục Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An.	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.	
20	Thủ tục Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An.	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.	
21	Thủ tục Phê duyệt	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	phương án bảo vệ đập, hồ chứa thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.	sơ theo quy định	đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An.		- Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.	
X. LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI						
1	Thủ tục Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	03 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	Không	Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai.	
2	Thủ tục Phê duyệt Văn kiện viện trợ	Tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau:	Không	Khoản 2 - Điều 13, Điều 15, Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ	được hồ sơ xin ý kiến, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan, địa phương có liên quan trả lời bằng văn bản gửi Về UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn		20/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai.	
3	Thủ tục Điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ	Không quy định	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	Không	Tại điểm b khoản 2 - Điều 14, Điều 15, Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai.	

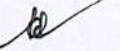
ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
XI. LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN						Điều chỉnh tên Lĩnh vực phát triển nông thôn thành lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
1	Thủ tục Công nhận làng nghề	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp hồ sơ trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An	Không	Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về Phát triển ngành nghề nông thôn	
2	Thủ tục Công nhận nghề truyền thống	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp hồ sơ trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An	Không	Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về Phát triển ngành nghề nông thôn	
3	Thủ tục Công nhận làng nghề truyền thống	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp hồ sơ trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An	Không	Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về Phát triển ngành nghề nông thôn	
4	Thủ tục Hỗ trợ dự án liên	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận	Nộp Hồ sơ theo một	Không	- Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	kết	đủ hồ sơ theo quy định	trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn		05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; - Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh Nghệ An.	
5	Thủ tục Thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết khu, điểm tái định cư	45 ngày làm việc từ khi nhận được hồ sơ theo quy định	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An.	Không	- Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg ngày 18/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ quyết định chính sách đặc thù về di dân, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện; - Thông tư số 22/2015/TT-BNNPTNT ngày 10/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số Điều quy	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					định tại Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg ngày 18/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chính sách đặc thù về di dân, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện.	
XII. LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG						
1	Thủ tục Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An.	Không	Nghị định 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông.	
2	Thủ tục Công nhận Doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An.	Không	- Luật công nghệ cao ngày 13/11/2008; - Quyết định số 66/2014/QĐ-TTg ngày 25/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục công nghệ cao được khuyến khích phát triển; - Quyết định số 03/2017/QĐ-TTg ngày	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và danh mục các sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển kèm theo Quyết định số 66/2014/QĐ-TTg ngày 25/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ;</p> <p>- Quyết định 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.</p>	
3	Thủ tục Công nhận lại Doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An.	Không	<p>- Luật công nghệ cao ngày 13/11/2008;</p> <p>- Quyết định số 66/2014/QĐ-TTg ngày 25/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục công nghệ cao được khuyến khích phát triển;</p>	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 03/2017/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và danh mục các sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển kèm theo Quyết định số 66/2014/QĐ-TTg ngày 25/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ; - Quyết định 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. 	
4	Thủ tục Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước	- Đối với hồ sơ đăng ký công bố hợp quy không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ	Lệ phí: 150.000 đồng (Quy định tại Điều 4, Thông tư 183/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016)	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007. - Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006. - Nghị định số 	<i>Thủ tục được công bố lần đầu</i> Căn cứ Quyết định số 1299/QĐ-BNN-KHCN ngày 29/3/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về



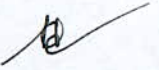
ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	<p>được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành</p>	<p>hồ sơ đăng ký công bố hợp quy, Cơ quan quản lý có thẩm quyền thông báo bằng văn bản đề nghị bổ sung các loại giấy tờ theo quy định tới tổ chức, cá nhân công bố hợp quy. Sau thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày Cơ quan quản lý có thẩm quyền gửi văn bản đề nghị mà hồ sơ đăng ký công bố hợp quy không được bổ sung đầy đủ theo quy định, Cơ quan quản lý có thẩm quyền có quyền hủy bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này.</p> <p>- Đối với hồ sơ đăng ký công bố</p>	<p>An; - Hoặc nộp trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn</p>		<p>127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.</p> <p>- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.</p> <p>- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.</p> <p>- Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công</p>	<p>việc công bố TTHC mới ban hành, TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực khoa học công nghệ và môi trường</p>

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>hợp quy đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc.</p>			<p>nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.</p> <p>- Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp quy, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.</p> <p>- Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy.</p> <p>- Thông tư số 06/2020/TT-</p>	



ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					BKHCN ngày 10/12/2020 của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 và Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01 /11 /2017 của Chính phủ.	
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN					
I. LĨNH VỰC THỦY SẢN						
1	Thủ tục công bố mở cảng cá loại 3	Trong thời hạn 06 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền xem xét hồ sơ, tổ chức khảo sát thực tế tại cảng cá, quyết định công bố mở	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy	Không	- Luật Thủy sản ngày 21/11/2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		cảng cá; - Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày Quyết định công bố mở cảng cá được ban hành, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.	ban nhân dân cấp huyện			
2	Thủ tục Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, UBND huyện thông báo Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản trên phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và khu	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	- Luật Thủy sản ngày 21/11/2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.	



ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>dân cư nơi dự kiến thực hiện đồng quản lý;</p> <p>- Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thông báo theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng.</p>				
3	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	<p>- Đối với trường hợp thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng, Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận</p>	<p>Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau:</p> <p>- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện</p> <p>- Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện</p>		<p>- Luật Thủy sản ngày 21/11/2017;</p> <p>- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.</p>	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>đủ hồ sơ.</p> <p>- Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: 63 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định</p>				
II. LĨNH VỰC KIỂM LÂM						
1	Thủ tục Xác nhận bản kê lâm sản	8 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	<p>Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau:</p> <p>- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện</p> <p>- Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện</p>	Không	<p>- Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;</p> <p>- Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Lâm nghiệp;</p> <p>- Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát</p>	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					triển nông thôn về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.	
2	Thủ tục Phê duyệt, Điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư)	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Nộp qua môi trường mạng	Không	- Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017; - Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung đầu tư công trình lâm sinh.	
3	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	- 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định; - Trường hợp có thông tin vi phạm: 06 ngày làm việc.	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện - Nộp qua môi trường mạng	Không	Điều 9 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam	<i>Thủ tục được công bố lần đầu</i> Căn cứ Quyết định số 4044/QĐ-BNN-TCLN ngày 4/10/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố TTHC

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						mới ban hành lĩnh vực lâm nghiệp
III. LĨNH VỰC QUẢN LÝ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH						
1	Thủ tục Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình xây dựng để đưa vào sử dụng	20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ quy định	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện	Theo dự toán được chủ đầu tư phê duyệt	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật xây dựng sửa đổi, bổ sung số 62/2020/QH14 - Điều 23, 24 Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; - Căn cứ Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 ban hành Quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Nghệ An.	<i>Thủ tục được điều chỉnh:</i> Từ “ <i>Thủ tục Thẩm định và phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công – dự toán hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn</i> ” thành 2 TTHC, cụ thể: + “ <i>Thủ tục Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình xây dựng để đưa vào sử dụng</i> ” căn cứ: Luật xây dựng sửa đổi, bổ sung số 62/2020/QH14; Nghị
2	Thủ tục Thẩm định, thẩm định điều chỉnh	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả	Theo dự toán được chủ đầu tư phê duyệt	- Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật xây dựng sửa đổi, bổ sung số 62/2020/QH14	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng		kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện		<p>- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 3/3/2021 Nghị định Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng</p> <p>Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 9/2/2021 của chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng</p> <p>- Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND ngày 05/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành một số quy định một số nội dung về quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh Nghệ An.</p>	<p>định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ; Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của UBND tỉnh Nghệ An + “<i>Thủ tục Thẩm định, thẩm định điều chỉnh báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng</i>” căn cứ: Luật xây dựng sửa đổi, bổ sung số 62/2020/QH14; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 3/3/2021 của Chính phủ; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 9/2/2021 của chính phủ; Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND ngày 05/4/2017 của UBND tỉnh Nghệ An”.</p>

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
IV LĨNH VỰC THỦY LỢI						
1	Thủ tục Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi do UBND tỉnh phân cấp (Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt)	Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước; - Thông tư 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số Điều của Luật thủy lợi.	
2	Thủ tục Thẩm định, phê duyệt, Điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp	Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Khoản 1, điểm đ khoản 2, điểm c khoản 4, khoản 6, điểm c khoản 7- Điều 12, Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	huyện					
3	Thủ tục Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Khoản 1, điểm c khoản 2, khoản 4- Điều 19, Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.	
4	Thủ tục Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Khoản 1, khoản 3, điểm b khoản 4, điểm b khoản 5 - Điều 7, Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	huyện (trên địa bàn hai xã trở lên)					
5	Thủ tục Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện (trên địa bàn 02 xã trở lên)	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Khoản 1, khoản 3, điểm b khoản 4, điểm b khoản 5 - Điều 26, Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.	
V. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN						
1	Thủ tục Bố trí ổn định dân cư trong huyện, thành, thị xã	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy	Không	- Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định quy trình bố trí, ổn định dân cư thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			ban nhân dân cấp huyện		Thủ tướng Chính phủ.	
2	Thủ tục Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện (thành, thị xã) trong tỉnh	60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	- Thông tư số 03/2014/TT- BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020; - Thông tư số 19/2015/TT- BNNPTNT ngày 27/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định quy trình bố trí ổn định dân cư thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ- TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ.	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
3	Thủ tục Thẩm định, phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế thuộc Chương trình 30a, Chương trình 135 thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	- Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất quy định tại Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/09/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020; - Thông tư số 15/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.	
4	Thủ tục Hỗ trợ dự án liên kết	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả	Không	Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện		hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.	
VI. LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG						
1	Thủ tục Phê duyệt Kế hoạch khuyến nông địa phương	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp Hồ sơ trước 30/9 hàng năm, theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	Nghị định 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông.	
C	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ					
I. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT						
1	Thủ tục Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả	Không	- Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018; - Nghị định số 94/NĐ-CP	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	trồng lúa		kết quả, Ủy ban nhân dân cấp xã - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp xã - Nộp qua môi trường mạng		ngày 13/12/2019 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số Điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.	
II. LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG						
1	Thủ tục Phê duyệt Kế hoạch khuyến nông địa phương	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp xã - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp xã - Nộp qua môi trường mạng	Không	Nghị định 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông.	
III. LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI						

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Thủ tục Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với các hộ chăn nuôi tập trung. Các hộ nuôi trồng thủy sản thực hiện kê khai và được xác nhận ngay khi thực hiện nuôi trồng	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp xã - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp xã - Nộp qua môi trường mạng	Không	Nghị định 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.	
2	Thủ tục Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã phải có ý kiến trả lời bằng văn bản hoặc thông báo kết quả giải quyết cho các hộ sản xuất trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương	Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	Nghị định 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
3	Thủ tục Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã phải có ý kiến trả lời bằng văn bản hoặc thông báo kết quả giải quyết cho các hộ sản xuất trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương	Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	Nghị định 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.	
IV. LĨNH VỰC THỦY LỢI						
1	Thủ tục Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (đối với nguồn vốn	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2007/QH14 ngày 19/6/2017 - Khoản b, Điều 9 Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)					
2	Thủ tục Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp xã - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Khoản 1, khoản 3, điểm a khoản 4, điểm a khoản 5 - Điều 7, Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.	
3	Thủ tục Thẩm định,	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận	Nộp Hồ sơ theo một	Không	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày	

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	được đầy đủ hồ sơ theo quy định.	trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp xã - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp xã		19/6/2017; - Khoản 1, khoản 3, điểm a khoản 4, điểm a khoản 5 - Điều 26, Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.	

